

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CHI CỤC TRỒNG TRỒNG
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: 744 /BC-CCTTBVTW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 đến ngày 25 tháng 7 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, có mưa rào và dông vài nơi, chiều và đêm có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và rải rác có dông. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 29°C - 32°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to và rải rác có dông. Nhiệt độ trung bình từ: 27°C - 28°C. Giá trị tổng lượng mưa 40 - 70 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	340,0
Đé nhánh	193,5	Đé nhánh	-
Làm đồng	1.369,0	Làm đồng	-
Trồng	369,0	Trồng	-
Chín	596,0	Chín	-
Thu hoạch	2.381,0	Thu hoạch	-
Tổng	4.908,5	Tổng	340,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Mùa 2023		1.526,0	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.092
- RALNN	Nhiều giai đoạn	355,8	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	87,8	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	77,9	Bắp	Sinh trưởng	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	52,1	Khoai mì	Sinh trưởng	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	77,9	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.390,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	403,6			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn							
			17/7	18/7	19/7	20/7	21/7	22/7	23/7	24/7
1	Củ Chi	Thái Mỹ	41	53	74	64	69	66	136	164
		Trung Lập Thượng	76	68	72	70	72	71	72	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM,BC
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	HM,BT
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM,BC,BT
5	Chuột	3			Các giai đoạn	BT,BC
6	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM,BC
7	Đóm vắn	3-5%			1-3	HM,BC

b) Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
2	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
3	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

c) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12
11	Sâu đục đợt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	Óc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
16	Tnhũn/r.cai	1-10			1-3	HM,Q12,BC
17	Ri trắng/RM	2-10			1-3	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đốm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TD, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 807 ha, giảm 59,4 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Hóc Môn, Bình Chánh. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 84,6 ha, tương đương so với tuần trước.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 661 ha, giảm 12 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 43 ha, giảm 08 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 9,0 ha, giảm 6,9 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 5,4 ha, giảm 1,9 ha so với tuần trước.

b) Cây lúa vụ Mùa 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 123 ha, cao so với cùng kỳ năm trước (0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ trĩ, ốc bươu vàng, chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

c) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 378,0 ha, tăng 63,4 ha so với tuần trước, trong đó diện tích phòng trừ là 219,0 lượt ha chiếm 57,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, bọ nhảy, sâu xanh, sâu tơ, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 51,8 ha, tăng 14,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 20,4 ha, tăng 2,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 13,3 ha, giảm 1,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Sâu tơ: Diện tích nhiễm 11 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 18,1 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn.

- Óc bươu vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tăng 39,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, Quận 12, huyện Hóc Môn.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 21,1 ha, tăng 3,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi và Quận 12.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích nhiễm 7,6 ha, tăng 0,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

d) Trên cây trồng khác

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRÙ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi 4 - 5 với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của rầy trên đồng cũng như tình hình rầy vào đèn tại địa phương để có biện pháp quản lý hiệu quả đối tượng này. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa vụ Mùa cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, xuống giống tập trung theo lịch thời vụ của cơ quan chuyên môn.

- Chú ý bệnh đạo ôn lá gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đồng, bệnh đạo ôn cổ bông trên trà lúa giai đoạn trổ - chín. Do điều kiện thời tiết chịu ảnh hưởng của bão vẫn có mưa dông kéo dài nên bệnh hại trên lúa có khả năng vẫn tiếp tục lây lan trên đồng. Khuyến cáo thăm đồng, nắm sát diễn biến của bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý có hiệu quả.

- Chú ý bọ xít hôi, chuột hại trên lúa giai đoạn làm đồng - trổ chín; sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đồng - trổ.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi سابق trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Theo dõi bệnh khóm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sắn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên lúa vụ Hè thu năm 2023 và và tình hình xuồng giống vụ Mùa năm 2023.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTM ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại sắn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTM ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTM ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTM ngày 16/01/2020.
- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Tear*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTM Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TT BVTM các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTM, TT;
- Trạm TT BVTM;
- Lưu: VT, BVTM.ĐTH (02).



Trương Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIÊM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số **TH4**/BC-CCTTBVT, ngày **26** tháng **7** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)	H/F phòng trừ (ha)	Phân bón		
		Nhỏ-Tb	Nặng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuồn lá	84,6		84,6	84,6	53,1			HM,BC
2	Bọ xít hồi	2,5		2,5	10,9	47,8			HM
3	Bọ trĩ	-		-	22				-
4	Sâu phao	1,5		1,5	1,7	1,5			HMBT
5	Đạo ôn	9		9	15,9	72,9			HM,BC,BT
6	Dòm vằn	5,4		5,4	7,3	40			BT,BC
7	OBV	661		661	673	390			HM,BC
8	Chuột	43		43	51	83			HM,BC
	Tổng	807,0		807,0	866,4	697,3			

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 744/BC-CCTTBVTV, ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhỏ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ trĩ	43			43				CC
2	OBV	47			47				CC
3	Chuột	33			33				CC
	Tổng	123			123				

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

TỔNG HỢP ĐIỀU TÍCH NHIỆM SINH VẬT GẦY HẢI CHỦ YẾU TRÊN CÀY RAU

(Kết theo Báo cáo số: **T44/BC-CCTBV**, ngày **26 tháng 7** năm 2023 của Chi cục Trồng rau và Bảo vệ thực vật)

Phân loại III

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)									
		Tổng DTN	Nặng MT	DTN	Ký trước	CNT	Phong trào	Phan bô	Phan bô	Phan bô	Phan bô
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Bò nhảy	13,3	13,3	14,5	21,4	9,1	HM, Q12,BC,BT				
2	Sau xanh	20,4	20,4	17,8	22,3	14,2	HM,Q12,CC,BC,BT				
3	Sau tơ	11,0	11,0	10,0	17,3	7,5	TĐ,HM,Q12,BC,BT				
4	Dơi díu lá	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	HM				
5	Sau díu trái	1,8	1,8	1,8	1,8	1,5	1,8	BC			
6	Sau ăn rệp	51,8	51,8	37,3	69,3	32,3	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT				
7	Bò trĩ	0,8	0,8	0,8	0,9	0,8	BC				
8	Ráy mèm	1,1	1,1	1,1	1,5	1,0	BC,BT				
9	Ráy xanh	0,6	0,6	0,4	0,5	0,4	BC, HM				
10	Ráy xám	18,1	18,1	17,1	31,0	9,2	HM,Q12				
11	Sau díu đốt	0,9	0,9	0,9	1,3	0,9	BC				
12	Bò xít đèn	4,0	4,0	4,0	1,0	1,0	TĐ				
13	Rươi díu trái	4,3	4,3	4,3	4,1	4,3	BC				
14	OBV	208,6	208,6	169,0	188,9	110,1	TĐ,HM,Q12				
15	QC sen	0,60	0,60	0,60	0,6	0,5	Q12,BC				
16	Thịt lùn/trái	7,6	7,6	7,0	10,9	5,0	HM,Q12,BC				
17	Ri trảng/RM	21,1	21,1	17,4	23,3	14,0	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT				
18	Đỗ mèo	4,6	4,6	4,1	8,0	3,3	BC, HM,Q12				
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	0,4	0,4	0,4	0,2	0,2	HM				
20	Vàng lá	6,8	6,8	5,9	5,3	4,3	TĐ, HM				

